ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC

Số: 564/TB-ĐHKH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày 20 tháng 08 năm 2014

THÔNG BÁO

THỜI KHÓA BIỂU DỰ KIẾN HỌC KỲ I NĂM HỌC 2014 - 2015 KHÓA 12

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7	
								Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường
1	GEC221	2	Bản đồ đại cương(114)_L01	70	0	08/09-28/12/14	16									7,8,9	M401		
2	GEC221	2	Bản đồ đại cương(114)_L02	70	0	08/09-28/12/14	16									10,11,12	M401		
3	GEC221	2	Bản đồ đại cương(114)_L03	70	0	22/09-28/12/14	14	7,8,9	M204										
4	EAS231	3	Các khoa học trái đất(114)_L01	70	0	08/09-28/12/14	16									7,8,9	M304		
5	EAS231	3	Các khoa học trái đất(114)_L02	70	0	08/09-28/12/14	16									10,11,12	M304		
6	EAS231	3	Các khoa học trái đất(114)_L03	70	0	08/09-28/12/14	16											7,8,9	M304
7	EAS231	3	Các khoa học trái đất(114)_L04	70	0	22/09-28/12/14	14					8,9	M204						
																		7,8	M204
8	EAS231	3	Các khoa học trái đất(114)_L05	70	0	22/09-28/12/14	14					10,11	M204						
																		9,10	M204
9	EAS231	3	Các khoa học trái đất(114)_L06	70	0	22/09-28/12/14	14			4,5	M304								
												4,5	M302						
10	GEP231	2	Chính trị học đại cương(114)_L01	65	0	22/09-28/12/14	14			1,2,3	M401								
11	VCF121	2	Cơ sở văn hóa Việt Nam(114)_L02	80	0	08/09-28/12/14	16					7,8	M304						
12	VCF121	2	Cơ sở văn hóa Việt Nam(114)_L03	80	0	08/09-28/12/14	16					9,10	M304						
13	VCF121	2	Cơ sở văn hóa Việt Nam(114)_L04	80	0	08/09-28/12/14	16					11,12	M304						

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7	
								Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường
14	VCF121	2	Cơ sở văn hóa Việt Nam(114)_L05	80	0	22/09-28/12/14	14							7,8,9	M502				
15	VCF121	2	Cơ sở văn hóa Việt Nam(114)_L06	80	0	22/09-28/12/14	14							10,11,12	M502				
16	VCF121	2	Cơ sở văn hóa Việt Nam(114)_L07	80	0	22/09-28/12/14	14	10,11,12	M204										
17	LAG131	3	Đại số tuyến tính & hình học giải tích A1(114)_L01	65	0	22/09-28/12/14	14					7,8	M201						
																7,8	M301		
18	LAA131	3	Đại số tuyến tính và hình giải tích B(114)_L01	65	0	08/09-28/12/14	16			7,8,9	M302								
19	LAA131	3	Đại số tuyến tính và hình giải tích B(114)_L02	65	0	08/09-28/12/14	16			10,11,12	M302								
20	LAA131	3	Đại số tuyến tính và hình giải tích B(114)_L03	65	0	08/09-28/12/14	16					7,8,9	M302						
21	LAA131	3	Đại số tuyến tính và hình giải tích B(114)_L04	65	0	08/09-28/12/14	16					10,11,12	M302						
22	LAA131	3	Đại số tuyến tính và hình giải tích B(114)_L05	65	0	22/09-28/12/14	14			7,8	M502								
																7,8	M103		
23	LAA131	3	Đại số tuyến tính và hình giải tích B(114)_L06	65	0	22/09-28/12/14	14			9,10	M502								
																9,10	M103		
24	LAA131	3	Đại số tuyến tính và hình giải tích B(114)_L07	65	0	22/09-28/12/14	14			11,12	M502								
																11,12	M103		
25	LAA131	3	Đại số tuyến tính và hình giải tích B(114)_L08	65	0	22/09-28/12/14	14			7,8	M404								
																7,8	M502		
26	LAA131	3	Đại số tuyến tính và hình giải tích B(114)_L09	65	0	22/09-28/12/14	14			9,10	M404								
																9,10	M502		

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7	
								Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường
27	LAA131	3	Đại số tuyến tính và hình giải tích B(114)_L10	65	0	22/09-28/12/14	14			11,12	M404								
																11,12	M502		
28	ANA141	4	Giải tích A1(114)_L01	65	0	22/09-28/12/14	14					9,10	M201						
																9,10,11	M301		
29	ANB241	4	Giải tích B(114)_L01	65	0	08/09-28/12/14	16	7,8	M401										
														7,8	M401				
30	ANB241	4	Giải tích B(114)_L02	65	0	08/09-28/12/14	16	9,10	M401										
														9,10	M401				
31	ANB241	4	Giải tích B(114)_L03	65	0	22/09-28/12/14	14					7,8,9	M301						
																		7,8	M201
32	ANB241	4	Giải tích B(114)_L04	65	0	22/09-28/12/14	14					10,11,12	M301						
																		9,10	M201
33	ANB241	4	Giải tích B(114)_L05	65	0	22/09-28/12/14	14					7,8,9	M502						
																		7,8	M301
34	ANB241	4	Giải tích B(114)_L06	65	0	22/09-28/12/14	14					10,11,12	M502						
																		9,10	M301
35	ANB241	4	Giải tích B(114)_L07	65	0	22/09-28/12/14	14							1,2,3	M204				
																		4,5	M401
36	PHE131	1	Giáo dục thể chất 1(114)_L01	120	0	08/09-28/12/14	16	1,2,3	SB1										

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7	
								Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường
37	PHE131	1	Giáo dục thể chất 1(114)_L02	120	0	08/09-28/12/14	16			1,2,3	SB1								
38	PHE131	1	Giáo dục thể chất 1(114)_L03	120	0	08/09-28/12/14	16					1,2,3	SB1						
39	PHE131	1	Giáo dục thể chất 1(114)_L04	120	0	08/09-28/12/14	16							1,2,3	SB1				
40	PHE131	1	Giáo dục thể chất 1(114)_L05	120	0	08/09-28/12/14	16									1,2,3	SB1		
41	PHE131	1	Giáo dục thể chất 1(114)_L06	120	0	08/09-28/12/14	16											1,2,3	SB1
42	PHE131	1	Giáo dục thể chất 1(114)_L07	120	0	22/09-28/12/14	14	1,2,3	SB2										
43	PHE131	1	Giáo dục thể chất 1(114)_L08	120	0	22/09-28/12/14	14			1,2,3	SB2								
44	PHE131	1	Giáo dục thể chất 1(114)_L09	120	0	22/09-28/12/14	14					1,2,3	SB2						
45	PHE131	1	Giáo dục thể chất 1(114)_L10	120	0	22/09-28/12/14	14							1,2,3	SB2				
46	PHE131	1	Giáo dục thể chất 1(114)_L11	120	0	22/09-28/12/14	14									1,2,3	SB2		
47	PHE131	1	Giáo dục thể chất 1(114)_L12	120	0	22/09-28/12/14	14											1,2,3	SB2
48	GEC131	3	Hóa đại cương(114)_L04	70	0	08/09-28/12/14	16											10,11	M304
49	GEC131	3	Hóa đại cương(114)_L05	70	0	22/09-28/12/14	14			1,2,3	M304								
50	GEC131	3	Hóa đại cương(114)_L06	70	0	22/09-28/12/14	14					1,2,3	M204						
51	MCI141	4	Lý luận về nhà nước và pháp luật(114)_L01	80	0	08/09-28/12/14	16					7,8	M404						
																		7,8	M502
52	MCI141	4	Lý luận về nhà nước và pháp luật(114)_L02	80	0	08/09-28/12/14	16					9,10	M404						
																		9,10	M502
53	TNE231	3	Ngôn ngữ Tày Nùng 1(114)_L01	65	0	08/09-28/12/14	16											7,8	M401

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7	
								Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường
54	TNE231	3	Ngôn ngữ Tày Nùng 1(114)_L02	65	0	08/09-28/12/14	16											9,10	M401
55	TNE231	3	Ngôn ngữ Tày Nùng 1(114)_L03	65	0	08/09-28/12/14	16											7,8	M104
56	TNE231	3	Ngôn ngữ Tày Nùng 1(114)_L04	65	0	22/09-28/12/14	14									7,8,9	M302		
57	TNE231	3	Ngôn ngữ Tày Nùng 1(114)_L05	65	0	22/09-28/12/14	14									10,11,12	M302		
58	MLP151	5	Những NLCB của chủ nghĩa Mác Lênin(114)_L01	80	0	08/09-28/12/14	16	7,8,9	M304										
														7,8	M304				
59	MLP151	5	Những NLCB của chủ nghĩa Mác Lênin(114)_L02	80	0	08/09-28/12/14	16	10,11,12	M304										
														9,10	M304				
60	MLP151	5	Những NLCB của chủ nghĩa Mác Lênin(114)_L03	80	0	08/09-28/12/14	16	7,8,9	M404										
														7,8	M404				
61	MLP151	5	Những NLCB của chủ nghĩa Mác Lênin(114)_L04	80	0	08/09-28/12/14	16	10,11,12	M404										
														9,10	M404				
62	MLP151	5	Những NLCB của chủ nghĩa Mác Lênin(114)_L05	80	0	22/09-28/12/14	14			7,8,9	M204								
																7,8,9	M204		
63	MLP151	5	Những NLCB của chủ nghĩa Mác Lênin(114)_L06	80	0	22/09-28/12/14	14			10,11,12	M204								
																10,11,12	M204		
64	MLP151	5	Những NLCB của chủ nghĩa Mác Lênin(114)_L07	80	0	22/09-28/12/14	14			10,11,12	M401								
																7,8,9	M404		
65	MLP151	5	Những NLCB của chủ nghĩa Mác Lênin(114)_L08	80	0	22/09-28/12/14	14					1,2,3	M304						
																10,11,12	M404		

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7	
								Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường
66	ENG141	4	Tiếng Anh 1(114)_L01	52	0	08/09-28/12/14	16	7,8	M402										
														7,8	M402				
67	ENG141	4	Tiếng Anh 1(114)_L02	52	0	08/09-28/12/14	16	9,10	M402										
														9,10	M402				
68	ENG141	4	Tiếng Anh 1(114)_L03	52	0	08/09-28/12/14	16	11,12	M402										
														11,12	M402				
69	ENG141	4	Tiếng Anh 1(114)_L04	52	0	08/09-28/12/14	16	7,8	M403										
														7,8	M403				
70	ENG141	4	Tiếng Anh 1(114)_L05	52	0	08/09-28/12/14	16	9,10	M403										
														9,10	M403				
71	ENG141	4	Tiếng Anh 1(114)_L06	52	0	08/09-28/12/14	16			7,8	M402								
																7,8	M402		
72	ENG141	4	Tiếng Anh 1(114)_L07	52	0	08/09-28/12/14	16			9,10	M402								
																9,10	M402		
73	ENG141	4	Tiếng Anh 1(114)_L08	52	0	08/09-28/12/14	16			11,12	M402								
																11,12	M402		
74	ENG141	4	Tiếng Anh 1(114)_L09	52	0	08/09-28/12/14	16			7,8	M403								
																7,8	M403		
75	ENG141	4	Tiếng Anh 1(114)_L10	52	0	08/09-28/12/14	16			9,10	M403								
																9,10	M403		

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7	
								Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường
76	ENG141	4	Tiếng Anh 1(114)_L11	52	0	08/09-28/12/14	16			11,12	M403								
																11,12	M403		
77	ENG141	4	Tiếng Anh 1(114)_L12	52	0	22/09-28/12/14	14	7,8,9	M301										
														8,9	M301				
78	ENG141	4	Tiếng Anh 1(114)_L13	52	0	22/09-28/12/14	14	10,11,12	M301										
														10,11	M301				
79	ENG141	4	Tiếng Anh 1(114)_L14	52	0	22/09-28/12/14	14	7,8,9	M302										
														8,9	M302				
80	ENG141	4	Tiếng Anh 1(114)_L15	52	0	22/09-28/12/14	14	10,11,12	M302										
														10,11	M302				
81	ENG141	4	Tiếng Anh 1(114)_L16	52	0	22/09-28/12/14	14			7,8,9	M301								
																7,8	M102		
82	ENG141	4	Tiếng Anh 1(114)_L17	52	0	22/09-28/12/14	14			10,11,12	M301								
																9,10	M102		
83	ENG141	4	Tiếng Anh 1(114)_L18	52	0	22/09-28/12/14	14			7,8,9	M201								
																7,8	M201		
84	ENG141	4	Tiếng Anh 1(114)_L19	52	0	22/09-28/12/14	14			10,11,12	M201								
																9,10	M201		
85	ENG141	4	Tiếng Anh 1(114)_L20	52	0	22/09-28/12/14	14					7,8,9	M102						
																		7,8	M302

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7	
								Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường
86	ENG141	4	Tiếng Anh 1(114)_L21	52	0	22/09-28/12/14	14					10,11,12	M102						
																		9,10	M302
87	ENG141	4	Tiếng Anh 1(114)_L22	52	0	22/09-28/12/14	14					7,8,9	M402						
																		7,8	M402
88	ENG141	4	Tiếng Anh 1(114)_L23	52	0	22/09-28/12/14	14					10,11,12	M402						
																		9,10	M402
89	ENG141	4	Tiếng Anh 1(114)_L24	52	0	22/09-28/12/14	14					7,8,9	M403						
																		7,8	M403
90	ENG141	4	Tiếng Anh 1(114)_L25	52	0	22/09-28/12/14	14					10,11,12	M403						
																		9,10	M403
91	PVN221	2	Tiếng Việt thực hành(114)_L08	75	0	22/09-28/12/14	14			1,2	M104								
92	GIF131	3	Tin học đại cương(114)_L01	80	0	08/09-28/12/14	16			7,8,9	M304								
93	GIF131	3	Tin học đại cương(114)_L01_TH1	30	0	08/09-28/12/14	16							1,2,3	PM1				
94	GIF131	3	Tin học đại cương(114)_L01_TH2	30	0	08/09-28/12/14	16							4,5,6	PM1				
95	GIF131	3	Tin học đại cương(114)_L01_TH3	30	0	08/09-28/12/14	16							1,2,3	PM2				
96	GIF131	3	Tin học đại cương(114)_L02	80	0	08/09-28/12/14	16			10,11,12	M304								
97	GIF131	3	Tin học đại cương(114)_L02_TH1	30	0	08/09-28/12/14	16									1,2,3	PM1		
98	GIF131	3	Tin học đại cương(114)_L02_TH2	30	0	08/09-28/12/14	16									4,5,6	PM1		
99	GIF131	3	Tin học đại cương(114)_L02_TH3	30	0	08/09-28/12/14	16									1,2,3	PM2		

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7	
								Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường
100	GIF131	3	Tin học đại cương(114)_L03	80	0	08/09-28/12/14	16			7,8,9	M401								
101	GIF131	3	Tin học đại cương(114)_L03_TH1	30	0	08/09-28/12/14	16											1,2,3	PM1
102	GIF131	3	Tin học đại cương(114)_L03_TH2	30	0	08/09-28/12/14	16											4,5,6	PM1
103	GIF131	3	Tin học đại cương(114)_L03_TH3	30	0	08/09-28/12/14	16											1,2,3	PM2
104	GIF131	3	Tin học đại cương(114)_L04	80	0	22/09-28/12/14	14	7,8,9	M201										
105	GIF131	3	Tin học đại cương(114)_L04_TH1	30	0	22/09-28/12/14	14					4,5,6	PM3						
106	GIF131	3	Tin học đại cương(114)_L04_TH2	30	0	22/09-28/12/14	14					4,5,6	PM2						
107	GIF131	3	Tin học đại cương(114)_L04_TH3	30	0	22/09-28/12/14	14					4,5,6	PM1						
108	GIF131	3	Tin học đại cương(114)_L05	80	0	22/09-28/12/14	14	10,11,12	M201										
109	GIF131	3	Tin học đại cương(114)_L05_TH1	30	0	22/09-28/12/14	14			4,5,6	PM3								
110	GIF131	3	Tin học đại cương(114)_L05_TH2	30	0	22/09-28/12/14	14			4,5,6	PM2								
111	GIF131	3	Tin học đại cương(114)_L05_TH3	30	0	22/09-28/12/14	14			4,5,6	PM1								
112	GIF131	3	Tin học đại cương(114)_L06	80	0	22/09-28/12/14	14	7,8,9	M502										
113	GIF131	3	Tin học đại cương(114)_L06_TH1	30	0	22/09-28/12/14	14									4,5,6	PM3		
114	GIF131	3	Tin học đại cương(114)_L06_TH2	30	0	22/09-28/12/14	14									1,2,3	PM3		
115	GIF131	3	Tin học đại cương(114)_L06_TH3	30	0	22/09-28/12/14	14									4,5,6	PM2		
116	GIF131	3	Tin học đại cương(114)_L07	80	0	22/09-28/12/14	14	10,11,12	M502										
117	GIF131	3	Tin học đại cương(114)_L07_TH1	30	0	22/09-28/12/14	14											4,5,6	PM2
118	GIF131	3	Tin học đại cương(114)_L07_TH2	30	0	22/09-28/12/14	14											4,5,6	PM3

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7	
								Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường
119	GIF131	3	Tin học đại cương(114)_L07_TH3	30	0	22/09-28/12/14	14											1,2,3	PM3
120	GIF131	3	Tin học đại cương(114)_L08	80	0	22/09-28/12/14	14							7,8,9	M201				
121	GIF131	3	Tin học đại cương(114)_L08_TH1	30	0	22/09-28/12/14	14					1,2,3	PM3						
122	GIF131	3	Tin học đại cương(114)_L08_TH2	30	0	22/09-28/12/14	14					1,2,3	PM2						
123	GIF131	3	Tin học đại cương(114)_L08_TH3	30	0	22/09-28/12/14	14					1,2,3	PM1						
124	GIF131	3	Tin học đại cương(114)_L09	80	0	22/09-28/12/14	14							10,11,12	M201				
125	GIF131	3	Tin học đại cương(114)_L09_TH1	30	0	22/09-28/12/14	14			1,2,3	PM3								
126	GIF131	3	Tin học đại cương(114)_L09_TH2	30	0	22/09-28/12/14	14			1,2,3	PM2								
127	GIF131	3	Tin học đại cương(114)_L09_TH3	30	0	22/09-28/12/14	14			1,2,3	PM1								
128	GIF131	3	Tin học đại cương(114)_L10	80	0	22/09-28/12/14	14							10,11,12	M101				
129	GIF131	3	Tin học đại cương(114)_L10_TH1	30	0	22/09-28/12/14	14	1,2,3	PM3										
130	GIF131	3	Tin học đại cương(114)_L10_TH2	30	0	22/09-28/12/14	14	1,2,3	PM2										
131	GIF131	3	Tin học đại cương(114)_L10_TH3	30	0	22/09-28/12/14	14	1,2,3	PM1										
132	GES121	2	Xã hội học đại cương(114)_L01	80	0	08/09-28/12/14	16											7,8	M404
133	GES121	2	Xã hội học đại cương(114)_L02	80	0	08/09-28/12/14	16											9,10	M404
134	GES121	2	Xã hội học đại cương(114)_L03	80	0	08/09-28/12/14	16					9,10	M401						
135	GES121	2	Xã hội học đại cương(114)_L04	80	0	08/09-28/12/14	16					11,12	M401						
136	GES121	2	Xã hội học đại cương(114)_L05	80	0	22/09-28/12/14	14							7,8,9	M204				
137	GES121	2	Xã hội học đại cương(114)_L06	80	0	22/09-28/12/14	14							10,11,12	M204				

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7	
								Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường
138	GES121	2	Xã hội học đại cương(114)_L07	80	0	22/09-28/12/14	14	7,8,9	M104										
139	GES121	2	Xã hội học đại cương(114)_L08	80	0	22/09-28/12/14	14	10,11,12	M104										

GHI CHÚ:

- Các môn thực tập, thực tế; giờ thực hành, thí nghiệm các Khoa/Bộ môn lập kế hoạch và gửi các Phòng chức năng;
- Nếu khoa/ bộ môn nào có đề nghị chỉnh sửa thời khóa biểu này vui lòng liên hệ với phòng Đào tạo trước 15h ngày 25/08/2014. Sau thời hạn trên, phòng Đào tạo sẽ đưa thời khóa biểu chính thức cho sinh viên đăng ký học phần.

Nơi nhận:

- BGH (b/c);
- Các Khoa/BM;
- Các phòng chức năng;
- Edocman;
- Website;
- Lưu: VT, ĐT.

TL. HIỆU TRƯỞNG
KT.TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Đã ký

ThS. Phạm Minh Tân